

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số: 48/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22/10/2019

V/v: “*Ly hôn, nuôi con chung*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG -TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Hải Âu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Lê Hưng Quang

2. Ông: Nguyễn Trọng Di

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa:* ông Lư Ngọc Quý - Kiểm sát viên.

- *Thư ký phiên toà:* ông Văn Hồng Lễ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 235/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2019 về việc: “*Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2019, và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2019/QĐHPT-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Võ Thị Thu Th, sinh năm 1991.

Địa chỉ: xóm 15, thôn HT1, xã A, huyện W, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Ông Đoàn Ngọc Tr, sinh năm 1991.

Địa chỉ: số 157 đường x, khu phố U3, thị trấn U, huyện W, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 09 tháng 5 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị Thu Th trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Đoàn Ngọc Tr được hai bên gia đình tổ chức hỏi cưới vào năm 2015. Đến tháng 3 năm 2016, bà và ông Tr đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn U, huyện W, tỉnh Bình Thuận

Sau khi cưới bà và ông Tr sống cùng gia đình chồng tại nhà số 157 đường x, khu phố U3, thị trấn U. Đến khoảng cuối năm 2016, bà trở về nhà cha mẹ ruột tại thôn HT1, xã A sinh sống để thuận tiện cho việc sinh con. Bà sống tại nhà cha mẹ được khoảng vài tháng, đến tháng 3 năm 2017 bà quay về đoàn tụ với ông Tr thì ông Tr có thái độ lạnh nhạt, không quan tâm, chăm sóc vợ con. Vì muốn biết ông Tr có còn quan tâm đến bà và con nữa không nên bà cùng con trở về nhà cha mẹ bà sinh sống.

Khi bà ở nhà cha mẹ tại thôn HT1, ông Tr có đến thăm con nhưng không hề hỏi thăm quan tâm đến bà. Vì muốn níu kéo tình cảm vợ chồng nên bà lại quay về nhà chồng để sống chung với ông Tr. Tuy nhiên, ông Tr vẫn không thay đổi, vẫn tỏ thái độ lạnh nhạt với bà, không thể hiện ý định hàn gắn cuộc sống hôn nhân, bà có đề cập vấn đề này với ông Tr để vợ chồng tháo gỡ vướng mắc nhưng ông Tr vẫn cố tình lảng tránh làm cho cuộc sống chung của vợ chồng ngày càng bất đồng quan điểm, không còn hạnh phúc nên từ tháng 8 năm 2018 bà bỏ về nhà cha mẹ bà sống cho đến nay, từ đó bà và ông Tr ly thân không còn quan tâm lẫn nhau. Nay, bà xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Đoàn Ngọc Tr.

- *Về con chung*: Bà và ông Đoàn Ngọc Tr có 01 người con chung tên Đoàn Phát T sinh ngày 19/10/2016, hiện bà đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu T.

Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi Đoàn Phát T đủ 18 tuổi. Bà không yêu cầu ông Đoàn Ngọc Tr cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: bà Võ Thị Thu Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn ông Đoàn Ngọc Tr*: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của ông Tr theo đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật đã quy định nhưng ông Tr vẫn cố tình vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa hôm nay ông Tr cũng vắng mặt.

* *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tại phiên tòa*: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự: xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Thu Th đối với ông Đoàn Ngọc Tr. Về con chung: Giao cháu Đoàn Phát T (sinh ngày 19/10/2016) cho Võ Thị Thu Th tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi Đoàn Phát T đủ 18 tuổi, có khả năng lao động, có tài sản riêng để tự nuôi bản thân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật: Bà Võ Thị Thu Th yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung với ông Đoàn Ngọc Tr, ông Đoàn Ngọc Tr có nơi cư trú tại nhà số 157 đường x, khu phố U3, thị trấn U, huyện W, tỉnh Bình Thuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Ông Đoàn Ngọc Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Đoàn Ngọc Tr

[3] Xét yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Thu Th, Hội đồng xét xử nhận thấy: bà Võ Thị Thu Th và ông Đoàn Ngọc Tr xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn U, huyện W, tỉnh Bình Thuận vào năm 2016 (theo giấy chứng nhận kết hôn số 46, quyển số 01/2016, ngày 14/3/2016 của Ủy ban nhân dân thị trấn U) hôn nhân trên cơ sở tự nguyện nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì tình cảm vợ chồng bắt đầu trở nên lạnh nhạt, bà Th cố gắng níu kéo, hàn gắn nhưng ông Tr vẫn không thay đổi, không quan tâm đến gia đình, không chăm sóc vợ con. Cuộc sống chung giữa bà Th và ông Tr ngày càng bất đồng về quan điểm sống nên đến tháng 8 năm 2018 bà Th đã bỏ về nhà cha mẹ tại thôn HT1, xã A sinh sống cho đến nay và kể từ đó bà Th và ông Tr không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã ra các thông báo về phiên hòa giải cho các đương sự biết để tạo điều kiện cho bà Th, ông Tr có cơ hội hàn gắn nhưng ông Tr vẫn vắng mặt chứng tỏ tình nghĩa vợ chồng giữa bà Th và ông Tr đã không còn, vợ chồng không thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Từ những cơ sở trên cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Võ Thị Thu Th được ly hôn với ông Đoàn Ngọc Tr.

[4] Về con chung:

Xét yêu cầu nuôi con sau khi ly hôn của nguyên đơn Võ Thị Thu Th, Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ khi bà Th và ông Tr không còn sống chung cho đến nay, bà Th là người đang trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục Đoàn Phát T (sinh ngày 19/10/2016). Do đó nhằm ổn định tâm lý và đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt của cháu T nên căn cứ vào khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Th, giao Đoàn Phát T cho bà Th được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con. Bà Võ Thị Thu Th không yêu cầu ông Đoàn Ngọc Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Ông Đoàn Ngọc Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình mà không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Võ Thị Thu Th không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án. Bà Võ Thị Thu Th là người có yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Võ Thị Thu Th. Bà Võ Thị Thu Th được ly hôn với ông Đoàn Ngọc Tr.

2. Về con chung:

Giao cháu Đoàn Phát T sinh ngày 19/10/2016 cho Võ Thị Thu Th tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi Đoàn Phát T đủ 18 tuổi, có khả năng lao động, có tài sản riêng để tự nuôi bản thân.

Ông Đoàn Ngọc Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Võ Thị Thu Th không yêu cầu ông Đoàn Ngọc Tr cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Võ Thị Thu Th không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Võ Thị Thu Th phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0026132 ngày 15 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự

huyện Tuy Phong nên bà Võ Thị Thu Th đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm;

6. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/10/2019). Đối với Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật.

Tr hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2014*), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2014*).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phong;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- UBND thị trấn U
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Hải Âu

